

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/DS-PT
Ngày: 17-01-2024
V/v tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phúc

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Kim Nga

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 480/2023/TLPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2023/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 841/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Trần Kim T, sinh năm 1977;

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1981;

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Bà Trần Kim T.

Cùng địa chỉ: số H, ấp C, xã B, thị xã K, tỉnh Long An. (Theo Văn bản ủy quyền chứng thực số 16 ngày 14/11/2022 của UBND xã B, thị xã K, tỉnh Long An)

- Bị đơn:

1. Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1970;

2. Bà Trần Thị C, sinh năm 1973;

3. Ông Phạm Văn V, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: số H, ấp C, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông V: ông Phan Quốc M, sinh năm 1998

Địa chỉ: số A, ấp E, xã T, huyện M, tỉnh Long An.

(Theo giấy ủy quyền ngày 25/10/2023)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn V1 - Giám đốc Chi nhánh thị xã K.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh P - Phó Giám đốc Chi nhánh thị xã K.

Địa chỉ: Số D, Đường C, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

(Theo Văn bản ủy quyền số 205A/NHNo.TXKT-TD ngày 21/7/2023 của ông Nguyễn Văn V1 - Giám đốc Chi nhánh thị xã K)

2. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1997;

3. Bà Nguyễn Thị Bé T2, sinh năm 1999;

4. Ông Nguyễn Văn K1, sinh năm 2003;

Cùng địa chỉ: số H, ấp C, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

(bà T, ông V1, ông M có mặt, các đương sự còn lại xin vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* ông Phạm Văn V

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Kim T3 đồng thời là người đại diện theo ủy quyền cho ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ngày 18/3/2010, bà Trần Kim T3, ông Nguyễn Văn H có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Trần Thị C tại thửa đất số 1595, diện tích 1.000m², tờ bản đồ số 3, tại C, xã B, thị xã K, tỉnh Long An. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng Giấy sang nhượng đất sản xuất nông nghiệp ngày 18/3/2010 được ký giữa ông Phạm Văn T1, bà Trần Thị C, ông Phạm Văn V với bà Trần Kim T3, ông Nguyễn Văn H với giá là 17.000.000 đồng; ông H, bà T3 đã thanh toán xong.

Phía bị đơn đã giao đất cho bà T3, ông H vào năm 2010, sau khi nhận đất vợ chồng bà T3, ông H đã đổ đất đắp nền vào năm 2010 và xây dựng nhà ở cấp 4 kiên cố tường bê tông cốt thép, nền gạch men, nhà có diện tích 150m² trên đất và trồng hơn chục cây dừa, cây mai có độ tuổi khoảng 10 tuổi. Khi vợ chồng bà T3 đổ đất, xây nhà, trồng cây phía bị đơn không phản đối gì. Nhà và tài sản trên đất bà T3, ông H không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết gì trong vụ án.

Khi nhận chuyển nhượng đất do bị đơn cho rằng giấy tờ đất đang nằm trong ngân hàng nên nguyên đơn không thể thực hiện hợp đồng theo đúng mẫu quy định của pháp luật, khi phía bị đơn đã lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra thì nguyên đơn có yêu cầu bị đơn ký kết hợp đồng theo quy định nhưng phía bị đơn lấy lý do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong ngân hàng nên không thực hiện việc chuyển nhượng được cho đến nay.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Giấy sang nhượng đất sản xuất nông nghiệp ngày 18/3/2010 tại thửa đất số 1595, diện tích 1.000m² tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp C, xã B, thị xã K, tỉnh Long An và qua đo đạc thực tế thuộc một phần thửa đất số 1597, tờ bản đồ số 3, loại đất LUC, diện tích 954m², tọa lạc tại ấp C, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

Bị đơn bà Trần Thị C, ông Phạm Văn T1 trình bày:

Ngày 18/3/2010, vợ chồng ông T1, bà C và con trai tên Phạm Văn V có chuyển nhượng cho ông H, bà T3 một phần thửa đất 1595, ngang 20m, dài 50m, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp C, xã B, thị xã K, tỉnh Long An. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng Giấy sang nhượng đất sản xuất nông nghiệp ngày 18/3/2010 với giá là 17.000.000 đồng; bị đơn đã nhận đủ 17.000.000 đồng.

Sau khi chuyển nhượng xong vợ chồng bà C đã chỉ ranh, cắm mốc cho phía Bị đơn xong, Bị đơn đã đổ đất, cất nhà ở kiên cố và trồng cây trên đất, Khi Bị đơn đổ đất cất nhà và trồng cây thì vợ chồng bà C không có ý kiến phản đối.

Do thời điểm đó vợ chồng bà C đang vay ngân hàng khi đáo hạn lại vợ chồng bà C lại tiếp tục vay nên hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay đang thế chấp tại Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã K.

Bà C đồng ý chuyển nhượng cho phía Bị đơn một phần thửa đất số 1597, tờ bản đồ số 3, loại đất LUC, diện tích 954m², tọa lạc tại ấp C, xã B, thị xã K, tỉnh Long An, theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 27/2022 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thị xã K phê duyệt ngày 15/7/2022; không đồng ý chuyển nhượng 1.000m².

Người có quyền lợi liên quan Ngân hàng N – Chi nhánh thị xã K, tỉnh Long An do ông Trần Thanh P đại diện trình bày:

Ông P xác định thửa đất 1597, 1595, 1596, thuộc tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã B, thị xã K, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 988485, vào sổ cấp giấy số 00244-QSĐĐ/1203LA do bà Trần Thị C đứng tên quyền sử dụng, theo thỏa thuận giữa Ngân hàng và bà C thì Ngân hàng hiện đang cầm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đảm bảo thu hồi nợ vay 170.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 6606-LAV-202300736 ngày 29/3/2023, hiện tại dư nợ là 135.000.000 đồng.

Việc tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn thì Ngân hàng không có ý kiến gì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Bé T2, ông Nguyễn Văn K1 có văn bản ghi ý kiến trình bày:

Ông K, bà T2, ông K1 thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu gì trong vụ án và đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Tòa án đã tiến hành mở các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2023/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, bà Trần Kim T3 đối với ông Phạm Văn T1, bà Trần Thị C, ông Phạm Văn V về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

2. Công nhận hiệu lực của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Giấy sang nhượng đất ngày 18/3/2010 tại một phần thửa số 1597, tờ bản đồ số 3, loại đất LUC, diện tích 954m², đất tọa lạc tại ấp C, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

Vị trí, tứ cận, loại đất, chiều dài và chiều rộng của một phần thửa đất số 1597 được xác định theo Mảnh trích đo địa chính số 27-2022 do Công ty TNHH Đ vẽ ngày 06/7/2022, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại thị xã K duyệt ngày 15/7/2022. *(đính kèm theo)*

Ông Nguyễn Văn H, bà Trần Kim T3 có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm liên hệ với C1, Cơ quan đăng ký đất đai có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký, kê khai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã được Tòa án công nhận theo quy định của pháp luật về đất đai.

Cơ quan Đăng ký đất đai, Cơ quan Tài nguyên và Môi trường có thẩm quyền căn cứ vào bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đương sự phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

Ông Phạm Văn T1, bà Trần Thị C có nghĩa vụ giao nộp bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: K988485, vào sổ cấp giấy chứng nhận số: 00244 QSDĐ/1203LA, ngày 14/10/1997 do UBND huyện M, tỉnh Long An cấp cho ông (bà) Trần Thị C cho Cơ quan đăng ký đất đai, Cơ quan Tài nguyên và Môi trường có thẩm quyền khi ông Nguyễn Văn H, bà Trần Kim T3 làm thủ tục đăng ký, kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Tòa án.

Trường hợp, ông Phạm Văn T1, bà Trần Thị C không nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Cơ quan Đăng ký đất đai, Cơ quan Tài nguyên và Môi trường có thẩm quyền thu hồi hoặc hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Phạm Văn T1, bà Trần Thị C, ông Phạm Văn V phải liên đới nộp số tiền 23.300.000đồng để trả lại cho bà Trần Kim T3 số tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 23.300.000 đồng.

4. Về án phí sơ thẩm:

Buộc ông Phạm Văn T1, bà Trần Thị C, ông Phạm Văn V phải liên đới nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Trần Kim T3, ông Nguyễn Văn H 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000633 ngày 25/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án.

Ngày 20/10/2023 ông Phạm Văn V kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng đề nghị chia đôi chi phí tố tụng với số tiền là 23.000.000đồng bên bà T3 và bên ông V mỗi bên chịu ½ số tiền này.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Phản tranh luận:

Ông M là người đại diện theo ủy quyền của ông V trình bày: Khi thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì hai bên không xác định thời gian làm thủ tục sang tên, lúc

đó bên bà T3 biết rõ quyền sử dụng đất bên bà C, ông T1 đang thế chấp trong ngân hàng. Sau khi trả nợ xong bà C cũng đồng ý sang tên quyền sử dụng đất cho bà T3 nên yêu cầu chia đôi chi phí tố tụng.

Bà T3 trình bày: Khi biết bà C ông T1 trả nợ ngân hàng xong thì bà T3 có yêu cầu làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng bên bà C không đồng ý nên bà T3 mới khởi kiện, do đó bà không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông V.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Đơn kháng cáo của ông V đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông V đề nghị nguyên đơn và bị đơn mỗi bên cùng chịu $\frac{1}{2}$ chi phí tố tụng. Xét thấy, tại Điều 157 và Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự quy định đương sự phải chịu chi phí tố tụng khi yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận. Trong vụ án này chi phí tố tụng là 23.000.000đồng, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên buộc bị đơn ông T1, bà C và ông V phải liên đới chịu chi phí tố tụng là có căn cứ. Do đó, đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông V, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của ông Phạm Văn V đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Đương sự vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự phiên tòa vẫn được tiến hành.

[3] Xét kháng cáo của ông V yêu cầu chia đôi chi phí tố tụng với số tiền là 23.000.000đồng, bên bà T3 và bên ông T1, bà C, ông V mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$. Xét thấy,:

[3.1] Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/3/2010 giữa ông Phạm Văn T1, bà Trần Thị C, ông Phạm Văn V và ông Nguyễn Văn H, bà Trần Kim T3 đối với phần đất có diện tích 1.000m², thuộc một phần thửa số 1597, tờ bản đồ số 3, loại đất LUC, diện tích 954m², tọa lạc tại ấp C, xã B, thị xã K, tỉnh Long An về hình thức không được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bên ông H bà T3 đã trả đủ tiền và bên bà C, ông T1, ông V cũng đã giao đất cho bà T3, ông H sử dụng từ năm 2010 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà C, ông T1, ông V cũng đồng ý tiếp tục chuyển quyền cho ông H, bà T3 đối với phần đất giao cho bên bà T3 ông H sử dụng. Vì vậy, án sơ thẩm công nhận hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Giấy sang nhượng đất ngày 18/3/2010 là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 129 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2] Ông V kháng cáo yêu cầu nguyên đơn và bị đơn mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ chi phí tố tụng với số tiền là 23.000.000đồng. Căn cứ vào Điều 157 và Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định đương sự phải chịu chi phí tố tụng khi yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Trong vụ án yêu cầu của nguyên đơn bà T3, ông H được Tòa án chấp nhận nên án sơ thẩm buộc bị đơn ông T1, bà C và ông V phải chịu chi phí tố tụng là

hoàn toàn phù hợp với Điều 157 và Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông V, chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vũ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận theo Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn V;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2023/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Căn cứ các điều 26, 37, 39, 147, 157, 165, 227, 228, 296, 307, 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 26, 27, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, bà Trần Kim T3 đối với ông Phạm Văn T1, bà Trần Thị C, ông Phạm Văn V về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

2. Công nhận hiệu lực của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Giấy sang nhượng đất ngày 18/3/2010 tại một phần thửa số 1597, tờ bản đồ số 3, loại đất LUC, diện tích 954m², đất tọa lạc tại ấp C, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

3. Vị trí, tứ cận, loại đất, chiều dài và chiều rộng của một phần thửa đất số 1597 được xác định theo Mảnh trích đo địa chính số 27-2022 do Công ty TNHH Đ vẽ ngày 06/7/2022, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại thị xã K duyệt ngày 15/7/2022. Mảnh trích đo được kèm theo bản án.

4. Ông Nguyễn Văn H, bà Trần Kim T3 có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm liên hệ với C1, Cơ quan đăng ký đất đai có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký, kê khai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quyết định của bản án.

5. Cơ quan Đăng ký đất đai, Cơ quan Tài nguyên và Môi trường có thẩm quyền căn cứ vào bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đương sự phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

6. Ông Phạm Văn T1, bà Trần Thị C có nghĩa vụ giao nộp bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: K988485, vào sổ cấp giấy chứng nhận số: 00244 QSDĐ/1203LA, ngày 14/10/1997 do UBND huyện M, tỉnh Long An cấp cho ông (bà) Trần Thị C cho Cơ quan đăng ký đất đai, Cơ quan Tài nguyên và Môi trường có thẩm quyền khi ông Nguyễn Văn H, bà Trần Kim T3 làm thủ tục đăng ký, kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Tòa án.

7. Trường hợp, ông Phạm Văn T1, bà Trần Thị C không nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Cơ quan Đăng ký đất đai, Cơ quan Tài nguyên và Môi trường có thẩm quyền thu hồi hoặc hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để cấp lại hoặc cập nhật biến động quyền sử dụng đất cho phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

8. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Phạm Văn T1, bà Trần Thị C, ông Phạm Văn V phải liên đới nộp số tiền 23.300.000đồng để hoàn trả cho bà Trần Kim T3.

9. Về án phí sơ thẩm:

9.1. Buộc ông Phạm Văn T1, bà Trần Thị C, ông Phạm Văn V phải liên đới nộp 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

9.2. Hoàn trả lại cho bà Trần Kim T3, ông Nguyễn Văn H 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000633 ngày 25/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

10. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Văn V phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000290 ngày 23/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

11. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

12. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Phúc

Các thẩm phán Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị P1 – Huỳnh Thị H1 Vân Trịnh Thị Phúc

